

Bản án số: 36/2017/DS-PT
Ngày: 21-11-2017
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Thủy.

Ông Ma Hồng Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quan Thị Nghi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Bà Nguyễn Hữu Tình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2017/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2017, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án sơ thẩm số 41/2017/DS-ST, ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2017/QĐ-PT, ngày 03 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Xóm 3, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (*có mặt*).

2. Bị đơn: Ông **Phạm Văn V**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Xóm 3, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (*có mặt*).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Văn N, sinh năm 1960 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

3.2. Anh Phạm Văn K, sinh năm 1986 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Xóm 3, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Phạm Văn V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày:

Ông Phạm Văn N (Chồng bà C) có quan hệ anh em kết nghĩa với ông Phạm Văn V, ngày 16/8/2012 bà C cho ông Phạm Văn V vay số tiền

12.000.000đ, lãi suất 4%/tháng hẹn trả ngày 15/12/2013, bà C là người viết giấy sau đó ông V trực tiếp ký, ghi họ tên. Ngày 18/4/2014 (âm lịch) bà C lại cho ông Phạm Văn V vay số tiền 18.000.000đ, lãi suất 4%/tháng, ông V là người viết giấy và ký ghi họ tên, tổng cộng bà C cho ông V vay 2 lần là 30.000.000đ. Sau khi cho vay bà đã đòi nhiều lần nhưng ông V đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương nên bà C không đòi được. Sau khi ông V đi làm ăn trở về địa phương, bà C và ông V đã nhiều lần thỏa thuận nếu ông V nhất trí trả thì bà C chỉ lấy 25.000.000đ, do ông V không trả nên bà C khởi kiện yêu cầu ông V trả số tiền 30.000.000đ, bà C không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Phạm Văn V trình bày: Năm 2012 ông xây dựng nhà, có thuê con trai bà C là anh Phạm Văn K trở vật liệu xây dựng cho ông làm nhà, hai bên đã thanh toán ông V còn nợ lại số tiền 10.420.000đ, ngày 16/8/2012 bà C đến thanh toán với ông V, vì điều kiện khó khăn ông V chưa có tiền trả, bà C hẹn đến tháng 12/2012 phải trả số tiền trên và tính lãi 4%/tháng, tổng số tiền tính đến tháng 12/2012 là 12.000.000đ, bà C yêu cầu ông V ghi vào sổ của bà C nội dung như sau: “Tôi Phạm Văn V xóm 3 xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nợ tiền vật liệu chị C hẹn đến tháng 12/2012 trả 12.000.000đ, lãi 4%/tháng, đến tháng 12/2012 vì điều kiện chưa trả được cho chị C. Đến ngày 18/4/2014 bà C đến đòi tiền tôi chưa có tiền trả, vì vậy bà C tính lãi từ ngày 16/8/2012 đến ngày 18/4/2014 với số tiền lãi 4% tổng số tiền hơn 18.000.000đ số lẻ tôi đã trả còn lại 18.000.000đ, tháng 8/2016 chị C đòi tôi số tiền 30.000.000đ tôi không nhất trí bởi lý do: Thứ nhất chị C chưa xóa bỏ số ghi nợ ngày 16/8/2012 đã tính lãi 4% đến ngày 18/4/2014; Thứ hai là tôi ghi nợ tiền vật liệu xây dựng không phải giấy vay tiền; Thứ ba là ngày 18/4/2014 chú V nợ chị C không phải chữ vay như chị C nêu, tôi không nhất trí.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn N trình bày: Khoảng năm 2011 gia đình ông có bán vật liệu xây dựng gồm cát, sỏi, gạch, xi măng, sắt cho gia đình ông Phạm Văn V, trực tiếp chở bán vật liệu xây dựng cho ông V là anh Phạm Văn K (con trai ông N), tổng số tiền vật liệu cụ thể bao nhiêu ông N không nhớ, nhưng có một lần ông V có trả cho ông số tiền thanh toán vật liệu xây dựng 10.000.000đ ông không nhớ trả vào ngày tháng năm nào. Sau khi nhận số tiền 10.000.000đ của ông V, ông N đã báo lại cho con trai là Phạm Văn K để anh K thanh toán với ông V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn K trình bày: Khoảng năm 2011 gia đình anh K có bán vật liệu xây dựng gồm cát, sỏi, gạch, xi măng, sắt cho gia đình ông Phạm Văn V, anh K là người trực tiếp chở bán vật liệu xây dựng cho gia đình ông V, ông V có ứng trước cho anh K 35.000.000đ, tổng số tiền vật liệu xây dựng bao nhiêu hiện nay anh không nhớ, giữa anh và ông V đã cộng sổ và thanh toán xong với nhau, khi thanh toán anh K có ký nhận vào sổ do ông V giữ, không còn nợ nần gì nhau. Việc anh K và ông V thanh toán tiền vật liệu với nhau không liên quan gì đến việc khởi kiện vay nợ giữa bà C với ông V, anh K không biết việc bà C cho ông V vay tiền.

Vụ kiện trên đã được Toà án nhân dân huyện Y thụ lý, hoà giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số

41/2017/DS-ST, ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Y Quyết định: Căn cứ vào các Điều 26, 35, 144, 147, 220, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 357 Bộ luật dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của bà Lê Thị C về việc yêu cầu ông Phạm Văn V trả số tiền gốc 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

2. Xử buộc ông Phạm Văn V phải trả cho bà Lê Thị C số tiền gốc 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

- Xử không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn V về việc ông V cho rằng chỉ nợ bà Lê Thị C số tiền mua vật liệu xây dựng 10.420.000đ (*Mười triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 03/8/2017 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn V với nội dung: Không nhất trí trả bà C 12.000.000đ là giấy ghi ngày 16/8/2012 do nợ tiền vật liệu và có ghi giấy tự viết nợ vật liệu; bà C sửa chữ “nợ” thành chữ “vay” đề nghị giám định chữ “vay” của ngày 18/4/2014.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Phạm Văn V không xuất trình được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo về khoản tiền vay. Tuy nhiên ông rút yêu cầu đề nghị giám định chữ ký, chữ viết, ông nhất trí trả bà C số tiền như bản án sơ thẩm đã giải quyết và xuất trình chứng cứ mới là hộ cận nghèo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho ông.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn V hợp lệ, trong hạn luật định.

Về nội dung: Tại phiên tòa bị đơn Phạm Văn V không xuất trình được chứng cứ mới đối với khoản tiền vay và không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết, ông nhất trí trả cho bà C số tiền như bản án sơ thẩm đã giải quyết, đồng thời đề nghị xem xét miễn án phí cho ông. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các chứng cứ và xử buộc ông V phải trả cho bà C tổng số tiền là 30.000.000đ và không đề nghị tính lãi là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm ông V xuất trình được giấy xác nhận là hộ cận nghèo và đề nghị xem xét cho ông được miễn án phí, đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm nên cần chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phạm Văn V, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 41/2017/DS-ST, ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Y về phần án phí có giá ngạch và miễn án phí phúc thẩm cho

ông Phạm Văn V. Các phần khác không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về nội dung kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn V: Không nhất trí trả bà C 12.000.000đ là giấy ghi ngày 16/8/2012 do nợ tiền vật liệu và có ghi giấy tự viết nợ vật liệu; bà C sửa chữ “nợ” thành chữ “vay” đề nghị giám định chữ “vay” của ngày 18/4/2014. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm ông Phạm Văn V thừa nhận giấy vay 18/4/2014 số tiền 18.000.000đ do ông viết và ký là đúng, đối với giấy vay ghi ngày 16/8/2012 với số tiền 12.000.000đ ông không được viết và ký nhưng ông không chứng minh được, ông cũng không đề nghị giám định chữ viết, chữ ký và nhất trí trả bà C 30.000.000đ như bản án sơ thẩm đã xét xử, ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho ông vì gia đình ông thuộc hộ cận nghèo.

Xét kháng cáo và lời trình bày của ông Phạm Văn V tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các chứng cứ và xử buộc ông V phải trả cho bà C tổng số tiền gốc là 30.000.000đ, không đề nghị tính lãi là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm ông V không đề nghị giám định chữ ký, chữ viết và nhất trí trả bà C số tiền như bản án sơ thẩm đã xét xử, do đó không có căn cứ xem xét đối với yêu cầu kháng cáo này. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm ông V xuất trình được giấy xác nhận là hộ cận nghèo và đề nghị xem xét cho ông được miễn án phí, đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phạm Văn V, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 41/2017/DS-ST, ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Y về phần án phí có giá ngạch và miễn án phí phúc thẩm cho ông Phạm Văn V như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 463, 466, 357 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phạm Văn V.

Tuyên xử:

1. Giữ nguyên nội dung về phần nghĩa vụ trả nợ của bản án sơ thẩm số 41/2017/DS-ST, ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Y như sau:

- Xử chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của bà Lê Thị C về việc yêu cầu ông Phạm Văn V trả số tiền gốc 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

- Xử buộc ông Phạm Văn V phải trả cho bà Lê Thị C số tiền gốc 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương đương với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”.

- Xử không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn V về việc ông V cho rằng chỉ nợ bà Lê Thị C số tiền mua vật liệu xây dựng 10.420.000đ (*Mười triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*).

2. Sửa bản án sơ thẩm số 41/2017/DS-ST, ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Y về phần án phí như sau:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch cho ông Phạm Văn V.

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phạm Văn V. Hoàn trả lại cho ông V số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu số 0004363 ngày 28/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (21/11/2017).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cao tại Hà Nội;
- VKSND Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thanh Sơn

